Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8454.30.00

Mã HS	8454.30.00
Mô tả hàng hóa	Lò thổi, nồi rót, khuôn đúc thỏi và máy đúc, dùng trong luyện kim hoặc đúc kim loại / - Máy đúc
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	09/11/2026 03:54:23
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84543000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K14060
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N14060
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q14060
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13386
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13327
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13327
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13327
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13327
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13327
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13327
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13381
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13381

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13381
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13381
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13381
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13381
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13382
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13382
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13382
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13382
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13382
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13382
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13385
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13333
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13341
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13341
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13341
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13341
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13341
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13341
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13372
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13372
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13372
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13372
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13372
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13372
VCFTA	2022	2022	0	VC!D13421
VCFTA	2023	2023	0	VC!E13421

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13421
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13421
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13421
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13421
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D13404
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E13404
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F13404
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G13404
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H13404
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I13404
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D13404
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E13404
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F13404
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G13404
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H13404
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13404
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13419
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13419
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13419
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13419
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13419
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13419
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13418
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13418
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13418
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13418

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13418
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13418
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13398
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13398
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13398
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13398
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13398
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13398
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13398
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13406
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13406
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13406
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13406
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13406
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13406
RCEP B	2022	2022	0	B!D13406
RCEP B	2023	2023	0	B!E13406
RCEP B	2024	2024	0	B!F13406
RCEP B	2025	2025	0	B!G13406
RCEP B	2026	2026	0	B!H13406
RCEP B	2027	2027	0	B!I13406
RCEP C	2022	2022	0	C!D13406
RCEP C	2023	2023	0	C!E13406
RCEP C	2024	2024	0	C!F13406
RCEP C	2025	2025	0	C!G13406
RCEP C	2026	2026	0	C!H13406

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I13406
RCEP D	2022	2022	0	D!D13405
RCEP D	2023	2023	0	D!E13405
RCEP D	2024	2024	0	D!F13405
RCEP D	2025	2025	0	D!G13405
RCEP D	2026	2026	0	D!H13405
RCEP D	2027	2027	0	D!I13405
RCEP E	2022	2022	0	E!D13409
RCEP E	2023	2023	0	E!E13409
RCEP E	2024	2024	0	E!F13409
RCEP E	2025	2025	0	E!G13409
RCEP E	2026	2026	0	E!H13409
RCEP E	2027	2027	0	E!I13409
RCEP F	2022	2022	0	F!D13406
RCEP F	2023	2023	0	F!E13406
RCEP F	2024	2024	0	F!F13406
RCEP F	2025	2025	0	F!G13406
RCEP F	2026	2026	0	F!H13406
RCEP F	2027	2027	0	F!I13406
VIFTA	2024	2024	0	VI!F12438
VIFTA	2025	2025	0	VI!G12438
VIFTA	2026	2026	0	VI!H12438
VIFTA	2027	2027	0	VI!I12438

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: HH chỉ định cơ sở in, đúc tiền (07/2023/TT-NHNN)		07/2023/TT-NHNN	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8454.30.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8454.30.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N14060), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
HH chỉ định cơ sở in, đúc tiền (07/2023/TT-NHNN)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.